

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58 /NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 16 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế
hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân
sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân
sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Điều chỉnh tăng, giảm mức vốn đối với các dự án trên địa bàn huyện Trần Đề, huyện Thạnh Trị và huyện Long Phú, đã phân bổ tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, với tổng mức vốn điều chỉnh tăng, giảm là 1.288 triệu đồng (điều chỉnh tăng, giảm mức vốn các dự án trong nội bộ các huyện: Trần Đề 505 triệu đồng, Thạnh Trị 213 triệu đồng và Long Phú 570 triệu đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 16 (chuyên đề) thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (Bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, NN&PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào



Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số **58** /NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã							203.018	137.647			108.720	1.288	1.288	108.720	
I	Huyện Cù Lao Dung							50.714	29.378			27.865	-	-	27.865	
1	Công trình xây dựng hệ thống đèn giao thông nông thôn cho các xã	Huyện Cù Lao Dung	462 trụ đèn (đèn led 200W năng lượng mặt trời 462 bóng, cần đèn thép ống mạ kẽm D60 cao 5m, độ vươn 1m gắn lên trụ sắt lắp mới 462 cần; 462 móng bê tông cốt thép kích thước 0,6 x 0,6m)	2023 - 2024	2715/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	7.314	3.604	7.314	3.604			3.604			3.604	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
2	Hạ tầng kỹ thuật công viên huyện Cù Lao Dung	Thị trấn Cù Lao Dung	Chân đế trụ kích thước 8x6m, cao 4m; đường đan xung quanh tượng đài diện tích 1.356m ² ; diện tích lát gạch vỉa hè 1.643m ² ; trồng cây xanh, trồng cỏ; san lấp mặt bằng 5.469m ² ; 16 trụ đèn,...	2023 - 2024	2728/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	8.000	4.000	8.000	4.000			4.000			4.000	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
3	Công trình xử lý nước thải tập trung An Thạnh 3	Xã An Thạnh 3	Xây dựng hệ thống xử lý nước công suất 200 m ³ /ngày đêm; hồ thu gom nước thải; bơm nước thải vào bể lắng; bể lắng; bể kỵ khí vách ngăn; bãi lọc trồng cây,...	2023 - 2024	2721/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	1.967	983	1.967	983			983			983	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
4	Công trình xử lý nước thải các Trạm Y Tế	Các xã, thị trấn	Xây dựng hồ thu gom nước thải; bơm nước thải vào bể lắng; bể lắng; bể kỵ khí vách ngăn; bãi lọc trồng cây,...	2023 - 2024	2722/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	3.701	1.850	3.701	1.850			1.850			1.850	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
5	Công trình xử lý, khắc phục ô nhiễm bãi rác xã An Thạnh 1	Xã An Thạnh 1	Xây dựng hàng rào, cổng; nhà quản lý, nhà vệ sinh, sân đường, nhà phân loại rác	2023 - 2024	2719/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	1.983	991	1.983	991			991			991	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
6	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên	Xã An Thạnh 2	Khối số 1: 83,16 m ² ; Dây phòng tập thể 276 m ² ; cổng - hàng rào; san lấp mặt bằng, sân đan, thoát nước	2023 - 2024	2727/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	4.076	2.000	4.076	2.000			2.000			2.000	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
7	Nâng cấp, mở rộng đường 1/5	Thị trấn Cù Lao Dung	Dài 2.902,2 m; rộng 4 m	2023 - 2024	2725/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	8.293	4.100	8.293	4.100			4.100			4.100	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
8	Nâng cấp, mở rộng đường Xóm 5	Thị trấn Cù Lao Dung	Dài 605,5 m; rộng 4 m và hệ thống thoát nước 2 bên dài 928,6 m	2023 - 2024	2765/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	3.310	1.600	3.311	1.600			1.600			1.600	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
9	Nâng cấp đường GTNT Ông Cột (giai đoạn 2)	Xã An Thạnh 1	Dài 710 m; rộng 3,5 m	2023 - 2025	2763/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.200	1.913	2.200	1.913			1.535			1.535	
10	Đường GTNT Rạch Đáy (giai đoạn 1)	Xã An Thạnh 2	Dài 763 m; rộng 3,5 m	2023 - 2025	2745/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	2.207	1.912	2.207	1.912			1.534			1.534	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
11	Đường trục chính nội đồng Rạch Ông Cột - Rạch Giã Lớn (giai đoạn 3)	Xã An Thạnh Tây	Dài 941 m; rộng 3,5 m	2023 - 2025	2776/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	2.237	1.912	2.237	1.912			1.534			1.534	
12	Đường KDC số 2	Xã An Thạnh Đông	Dài 660 m; rộng 3,5 m	2023 - 2025	2764/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.210	1.913	2.210	1.913			1.534			1.534	
13	Đường nhựa vào khu sản xuất, chế biến	Xã An Thạnh 3	Dài 83 m; rộng 7 m và cầu dài 18 m; rộng 7 m	2023 - 2025	2729/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.235	2.600	3.215	2.600			2.600			2.600	Vốn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
II	Huyện Trần Đề							8.777	8.340			5.455	505	505	5.455	
1	Nâng cấp đường bê tông khu 2 nối liền khu 7 - 8 ấp Chàc Tung	Xã Tài Văn	Dài 1.304,3 m; rộng 3 m và cầu 12 m x 3 m	2022 - 2024	2600/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	2.357	2.240	2.357	2.240	1.536	1.419	821	193		628	Công trình chuyển tiếp
2	Đường bê tông kênh ông Phục giai đoạn 3 (cổng 3)	Xã Trung Bình	Dài 870,94 m; rộng 3 m và cầu 27 m x 3 m	2023 - 2024	3756/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	3.307	3.137	3.477	3.307			3.137	312		2.825	
3	Đường từ ngã tư ấp Phố Dưới đến ngã tư chùa Hội Phước ấp Nam Chánh (đường Lò Rèn)	Xã Lịch Hội Thượng	Dài 1.641 m; rộng 3 m	2023 - 2024	3757/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	1.143	1.083	1.143	1.083			700		289	989	
4	Cầu bê tông qua kênh Rọc Lá	Xã Lịch Hội Thượng	Dài 27 m; rộng 3,5 m	2023 - 2024	3965/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	1.800	1.710	1.800	1.710			797		216	1.013	
III	Huyện Châu Thành							47.716	27.114			25.619	-	-	25.619	
1	Cải tạo, mở rộng Đường Huyện 92 (giai đoạn 1)	Xã Hồ Đắc Kiện	Cải tạo, mở rộng chiều dài đường 3.730 m, nâng cấp, mở rộng 05 cầu và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến	2023 - 2025	468/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	38.256	19.128	38.256	19.128			19.128			19.128	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
2	Đường sau chùa Peng Som Rath	Xã An Hiệp	Dài 760 m, rộng 3,5 m và rãnh thoát nước 131 m x 0,3 m	2023	453/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.126	2.793	2.933	2.793			2.793			2.793	
3	Đường bờ Tây kênh Ba Rinh cũ (giai đoạn 4)	Xã Hồ Đắc Kiện	Đoạn 1 dài 714,49 m, rộng 3 m; đoạn 2 dài 334 m, rộng 3,5 m; đoạn 3 dài 147 m, rộng 3,5 m	2023	455/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.115	2.793	2.933	2.793			1.298			1.298	
4	Trạm bơm Hợp tác xã Nông nghiệp Quyết Thắng	Xã Hồ Đắc Kiện	Trạm bơm điện; cống hở; đường phục vụ trạm bơm; nạo vét kênh và gia cố bờ bao	2023	454/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.593	2.400	3.594	2.400			2.400			2.400	Vốn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
IV	Huyện Kế Sách							17.068	14.836			9.547	-	-	9.547	
1	Đường GTNT xã Đại Hải: Đường cấp kênh Tập đoàn 8 (bờ bắc) và đường cấp kênh 6 Bé (bờ tây) đoạn từ ông Trần Văn Đa - ông Huỳnh Công Khanh - nối tiếp	Xã Đại Hải	850 m x 2 m	2023-2024	434/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	1.382	1.120	1.382	1.120			846			846	
2	Đường GTNT xã Ba Trinh: Đường cấp kênh 8 Tiền (bờ tây)	Xã Ba Trinh	1.044 m x 2 m	2023-2025	437/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	1.167	970	2.304	1.913			870			870	
3	Đường GTNT xã An Lạc Tây: Đường T10 (đoạn Cầu đĩnh Đại An đến ranh đất ông Trần Văn Đẩu)	Xã An Lạc Tây	519 m x 3 m	2023-2024	428/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	934	800	934	800			713			713	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
4	Đường GTNT xã Kế An: tuyến kênh Mười (bờ tây) từ cầu 7 Tỷ - Út Giáo	Xã Kế An	660 m x 2 m	2023-2025	438/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	686	592	686	592			592			592	
5	Đường GTNT xã Trinh Phú: Tuyến Cầu Tư Xiêu - Hai Việt (mở rộng)	Xã Trinh Phú	Đoạn 1: 778 m x 3 m (hiện trạng 1,5 m, mở rộng 1,5 m); Đoạn 2: 1.243,58 m x 3 m (hiện trạng 1,5 m, mở rộng 1,5 m)	2023-2024	441/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	4.150	3.410	4.373	3.803			3.410			3.410	
6	Đường GTNT xã Phong Nẫm: Tuyến từ ông Thuận - 3 Hòn	Xã Phong Nẫm	681 m x 3 m	2023-2024	424/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	1.151	963	1.849	1.608			963			963	
7	Xây mới cầu 5 Đê	Xã Phong Nẫm	38,25 m x 3,3 m và đường dẫn	2023-2024	425/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	1.310	1.084	2.770	2.500			1.084			1.084	
8	Xây mới cầu Hàng Xoài	Xã Phong Nẫm	Cầu 1: 40 m x 2 m; Cầu 2: 12 m x 2 m và đường dẫn 8 m x 2 m	2023	426/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	550	476	1.110	1.000			476			476	
9	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường GTNT trên địa bàn ấp Phong Hòa, ấp Phong Thạnh	Xã Phong Nẫm	300 m x 1,5 m	2023-2024	427/QĐ-UB(XDCB) .22 ngày 28/10/2022	668	593	1.660	1.500			593			593	
V	Huyện Mỹ Tú							13.946	12.068			6.819	-	-	6.819	
1	Lộ bờ đông kênh Tân Phước	Xã Long Hưng	Dài 2.126,5 m; rộng 2,5 m	2023	4491/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	2.567	1.913	2.210	1.913			1.913			1.913	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
2	Nâng cấp, mở rộng Lộ Xẻo Gừa (giai đoạn 4)	Xã Mỹ Hương	Dài 220 m; rộng 3 m	2023	4494/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	503	450	519	450			450			450	
3	Lộ Mường Khai (từ đập Mường Khai đến Nghĩa trang cũ)	Xã Mỹ Hương	Dài 396,23 m; rộng 3 m	2023	4490/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	861	760	880	760			760			760	
4	Lộ kênh Đường Láng (giai đoạn 2)	Xã Hưng Phú	Dài 1.240 m; rộng 3 m	2023	4492/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	2.175	1.913	2.211	1.913			1.913			1.913	
5	Lộ phía Nam kênh Trà Cú Cạn (giai đoạn 4)	Xã Mỹ Tú	Dài 745 m; rộng 2,5 m	2023	4495/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	948	849	979	849			849			849	
6	Đường kênh rạch Bồ Thảo (giai đoạn 4)	Xã Mỹ Thuận	Dài 370 m; rộng 3 m	2023	4493/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	624	570	659	570			570			570	
7	Lộ Ngã Tư Phước Trường A - Tân Long	Xã Mỹ Phước	Dài 3.686 m; rộng 2,5 m	2023-2024	4741/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	6.194	5.613	6.488	5.613			364			364	
VI	Thị xã Ngã Năm							5.048	4.516	-	-	3.410	-	-	3.410	
1	Xây dựng lộ kênh 6 Lục - 3 Dẫn	Xã Mỹ Quới	Xây dựng đường bê tông cốt thép dài 1.565,21 m; rộng 2 m	2023-2024	296/QĐXD-UBND ngày 26/10/2022	1.812	1.600	1.802	1.600			1.600			1.600	
2	Xây dựng lộ kênh 6 Tường	Xã Mỹ Quới	Xây dựng đường bê tông cốt thép dài 963 m; rộng 2 m	2023-2024	298/QĐXD-UBND ngày 26/10/2022	1.322	1.192	1.343	1.193			1.192			1.192	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
3	Xây dựng lộ kênh Tư	Xã Tân Long	Xây dựng đường bê tông cốt thép dài 2.469,55 m; rộng 2 m	2023-2024	297/QĐXD-UBND ngày 26/10/2022	2.528	1.723	1.903	1.723			618			618	
VI I	Thị xã Vĩnh Châu							16.026	9.990			4.092	-	-	4.092	
1	Nâng cấp lộ Phú Yết	Xã Vĩnh Hải	Dài 1.576,8 m; rộng 3 m và cầu 18 m x 3 m	2022-2023	1444/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.284	1.721	5.284	1.721	4.563	1.000	721			721	Công trình chuyển tiếp
2	Lộ Xẻo Xu	Xã Lai Hòa	Dài 1.350 m; rộng 3 m	2022-2023	1445/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	4.008	2.793	4.008	2.793	3.015	1.800	993			993	Công trình chuyển tiếp
3	Đường Hòa Giang đến sông Trà Niên	Xã Hòa Đông	Dài 2.116,91 m; rộng: 3 m	2022-2023	1446/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	3.702	2.792	3.702	2.792	3.393	2.483	309			309	Công trình chuyển tiếp
4	Nâng cấp Đường cấp kênh Phạm Kiều giai đoạn 2	Xã Vĩnh Hiệp	Dài 778,9 m; rộng 3 m	2023-2024	2883/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	1.310	1.180	1.360	1.180			1.180			1.180	
5	Đường dẫn Ca Lạc - Tân Thời	Xã Lạc Hòa	Dài 167,8 m; rộng 3,5 m và cầu 18 m x 3,5 m	2023-2024	2881/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.523	1.504	1.672	1.504			889			889	
VI II	Huyện Mỹ Xuyên							17.850	7.955			6.819	-	-	6.819	
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa	Xã Đại Tâm	Nhà văn hóa 8 ấp	2023-2024	4285/QĐ-UBND, ngày 20/10/2022	628	500	1.970	1.193			500			500	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
2	Đường Bình Hòa - Thạnh Hòa (đoạn nối tiếp)	Xã Gia Hòa 2	758 m x 2,5 m	2023-2024	4283/QĐ-UBND, ngày 20/10/2022	1.589	1.176	2.760	1.176			1.176			1.176	
3	Đường bê tông Long Hòa - Tam Hòa	Xã Gia Hòa 1	2.403,95 m x 3 m và 01 cây cầu 15 m x 3 m	2023-2024	4281/QĐ-UBND, ngày 20/10/2022	5.002	2.400	5.520	2.400			2.400			2.400	
4	Cầu Ánh Tuyết	Xã Gia Hòa 1	18 m x 3,4 m	2023-2024	4284/QĐ-UBND, ngày 20/10/2022	800	393	800	393			393			393	
5	Đường bê tông Trà Ế	Xã Thạnh Quới	3.247,6 m x 3 m và 02 cây cầu	2023-2024	4282/QĐ-UBND, ngày 20/10/2022	6.705	2.793	6.800	2.793			2.350			2.350	
IX	Huyện Thạnh Trị							12.400	11.780			8.183	213	213	8.183	
1	Cầu Hai Vọng - Ba Kiệu	Xã Vĩnh Lợi	Dài 15 m; rộng 3 m	2023	501/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	836	779	1.137	1.080			779	45		734	
2	Cầu kênh Tà Ló - Khái - Giàu	Xã Vĩnh Lợi	Dài 9 m; rộng 3 m	2023	502/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	480	449	619	588			449	29		420	
3	Lộ B1 - Tân Lợi	Xã Thạnh Tân	Dài 3.390 m; rộng 3 m	2023-2024	499/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	7.704	7.319	7.704	7.319			4.162		213	4.375	
4	Lộ Trà Do - Kiết Lợi	Xã Lâm Kiết	Dài 1.633 m; rộng 3 m	2023	500/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.940	2.793	2.940	2.793			2.793	139		2.654	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
X	Huyện Long Phú							13.474	11.670			10.911	570	570	10.911	
1	Đường liên 03 ấp, Trường Thành A, Trường Hưng, Trường An (đoạn từ cầu Chín Hiệp đến cầu Rạch Cọp)	Xã Trường Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 502 m; rộng 3 m	2023 - 2024	441/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.230	1.093	1.173	1.093			334		570	904	
2	Lộ trục chính nội đồng cấp kênh Ba Khỏe (đoạn từ kênh Bảy Bình đến kênh Bốn Cóc)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 500m; rộng 3,0 m và 01 cống ly tâm D1000	2023 - 2024	445/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.259	1.057	1.220	1.057			1.057			1.057	
3	Lộ trục chính nội đồng cấp kênh Ba Khỏe (đoạn từ kênh Hai Sơn đến kênh Bốn Cóc)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 600 m; rộng 3 m	2023 - 2024	446/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.235	1.100	1.275	1.100			1.100	2		1.098	
4	Lộ trục chính nội đồng từ Nhà Văn hóa ấp Ba đến cầu Trường An (đoạn từ Nhà Văn hóa ấp Ba đến nhà ông Vũ)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 450 m; rộng 3 m	2023 - 2024	447/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.258	1.050	1.205	1.050			1.050			1.050	
5	Lộ trục chính nội đồng từ nhà Văn hóa ấp Ba đến cầu Trường An (đoạn từ nhà ông Trầm đến cầu Trường An)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 496,8 m; rộng 3 m	2023 - 2024	448/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.185	1.040	1.214	1.040			1.040	4		1.036	
6	Nhà Văn Hóa ấp Máy Hắt	Xã Hậu Thạnh	Tổng diện tích 191,78 m ²	2023 - 2024	449/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.296	1.152	1.292	1.152			1.152	12		1.140	
7	Xây dựng Cầu kênh Tư Danh	Xã Hậu Thạnh	Cầu dài 18 m; rộng 3,3 m và đường dẫn bê tông cốt thép dài 190,9 m; rộng 3 m	2023 - 2024	450/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.378	1.300	1.500	1.300			1.300	205		1.095	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương		Giảm	Tăng		
8	Đường trục chính nội đồng cấp kênh Tư Danh (đoạn cấp kênh số 4)	Xã Hậu Thạnh	Đường bê tông cốt thép dài 575,2 m; rộng 3 m và 01 cống	2023 - 2024	451/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.370	1.280	1.458	1.280			1.280	208		1.072	
9	Xây dựng Cầu kênh cấp Quốc Lộ 60	Xã Hậu Thạnh	Cầu dài 15 m; rộng 3 m và đường dẫn bê tông cốt thép dài 334,7 m; rộng 3 m	2023 - 2024	452/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.320	1.240	1.404	1.240			1.240	139		1.101	
10	Xây dựng Cầu kênh Rạch Vàm Thép	Xã Hậu Thạnh	Cầu dài 18 m; rộng 3,3 m và đường dẫn bê tông cốt thép dài 24,8 m; rộng 3 m	2023 - 2024	453/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	834	620	712	620			620			620	
11	Đường trục chính nội đồng cấp kênh Tư Danh (đoạn từ đất ông Hải đến đất ông Sơn)	Xã Hậu Thạnh	Đường bê tông cốt thép dài 415 m; rộng 3 m và 01 cầu 15 m x 3,3 m	2023 - 2024	454/QĐ-UBND, ngày 10/10/2022	1.219	738	1.021	738			738			738	